TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VỊ THANH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/DS-ST
Ngày 16-3-2018
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ viễn thông

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu B

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông La Thanh L

Ông Nguyễn Thanh L

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng E - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 232/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ viễn thông theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Mobifone.

Địa chỉ cư trú: lô VP1, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn Hợp, địa chỉ: số 20-22, đường Lý Tự Trọng, khu vực 1, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Văn bản ủy quyền số 104/QĐ-CT.MOBIFONE 9-TC ngày 17 tháng 3 năm 2017. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng T.

Địa chỉ cư trú: khu vực 3, phường I, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/11/2017 nguyên đơn là Mobifone và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Văn Hợp trình bày:

Ngày 17/5/2016, bà Nguyễn Thị Hồng T và Mobifone (sau đây viết tắt là Mobifone) có ký 02 Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ thông tin di động mặt đất, với hình thức thanh toán trả sau. Hợp đồng thứ nhất số: 6618/4HGI00005/TT9, số thuê bao điện thoại di động đăng ký là "0939141114". Hợp đồng thứ hai số: 6619/4HGI00005/TT9, số thuê bao điện thoại di động đăng ký là "0938763726". Về quyền và nghĩa vụ các bên khi ký kết hợp đồng được ghi rõ trong hợp đồng chính và phụ lục của hợp đồng. Tính đến thời điểm hiện tại bà Thảo còn nợ Mobifone tiền sử dụng dịch vụ đối với hai thuê bao di động trả sau nêu trên là 2.443.920 đồng.

Mobifone khởi kiện và người đại diện hợp pháp của Mobifone yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T có nghĩa vụ thanh toán cho Mobifone số tiền sử dụng dịch vụ còn nợ tổng cộng là 2.443.920 đồng.

Những nội dung mà các đương sự đã thống nhất thỏa thuận được: không.

Những nội dung mà các đương sự chưa thống nhất thỏa thuận được:

- Mobifone yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T có nghĩa vụ thanh toán cho Mobifone số tiền sử dụng dịch vụ còn nợ tổng cộng là 2.443.920 đồng. Bà Nguyễn Thị Hồng T chưa thể hiện ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Mobifone khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hồng T có trách nhiệm trả số tiền sử dụng dịch vụ viễn thông còn nợ tổng cộng là 2.443.920 đồng. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dịch vụ viễn thông, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Đối với bà Nguyễn Thị Hồng T dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Hồng T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ vào các hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ thông tin di động mặt đất (bút lục số 30, 38), các thông báo và bảng chi tiết cước phí cuộc gọi (bút lục từ số 63 đến số 88), cùng bảng giải trình thanh toán (bút lục số 89, 90) đã có đủ cơ sở kết luận, việc bà

Nguyễn Thị Hồng T có thỏa thuận sử dụng 02 số thuê bao di động "0939141114" và "0938763726" của Mobifone và hiện tại còn nợ số tiền sử dụng dịch vụ là 2.443.920 đồng chưa trả là có thật. Tại thời điểm ký kết các hợp đồng nêu trên, các đương sự tham gia ký kết đều có đầy đủ điều kiện về mặt chủ thể theo quy định của pháp luật. Về hình thức và nội dung của hợp đồng đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 518 và 519 của Bộ luật dân sự năm 2005, nên hợp đồng của các đương sự được công nhận là hợp pháp.

[3] Hành vi không trả số tiền sử dụng dịch vụ theo thỏa thuận nêu trên của bà Thảo đối với Mobifone, là hành vi vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên thuê dịch vụ đối với bên cung ứng dịch vụ. Mặt khác, tính từ lúc thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm, bà Thảo không một lần chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và đồng thời cũng không cung cấp cho Tòa án chứng cứ nào chứng minh việc bà Thảo đã thanh toán đầy đủ hoặc một phần số tiền cước phí sử dụng dịch vụ mà Mobifone khởi kiện yêu cầu bà Thảo phải có trách nhiệm trả. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 524 của Bộ luật dân sự 2005 buộc bà Nguyễn Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho Mobifone số tiền sử dụng dịch vụ còn nợ là 2.443.920 đồng.

[4] Về án phí: căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Nguyễn Thị Hồng T chịu án phí có giá ngạch với mức 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 518, 519 và 524 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Mobifone. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho Mobifone số tiền 2.443.920 (hai triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm hai mươi) đồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Hoàn trả lại cho Mobifone 300.000 (ba trăm

nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0012593 ngày 13/11/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Vị Thanh;
- Cơ quan THADS TP. Vị Thanh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu B